

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

2. Ông Bùi Duy Thắm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị M, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 36, ấp T, xã P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Bị đơn:* Anh Trịnh Đình H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 36, ấp T, xã P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh H sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi sinh con, chị về sinh sống với cha mẹ ruột tại tổ 34, ấp T, xã P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, không thăm nom con cái nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau và đã ly thân từ tháng 08 năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 04-02-2020. Hiện tại cháu B đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu B số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-3-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Đình H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị M sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, anh thừa nhận có những mâu thuẫn như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau, không có tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2020 đến nay, hôn nhân không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về con chung. Anh đồng ý để chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trịnh Gia B. Tuy nhiên, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng mà chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Chị Đinh Thị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn; yêu cầu được nuôi con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trịnh Đình H vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; **khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị Đinh Thị M và anh Trịnh Đình H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 04-02-2020 cho chị Đinh Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trịnh Đình H cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Gia B theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Đinh Thị M và anh Trịnh Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trịnh Đình H là bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị M và anh Trịnh Đình H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 13-11-2018 theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M với anh H thấy rằng: Chị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái và hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 08 năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh H thừa nhận mâu thuẫn như chị M trình bày là đúng sự thật. Như vậy, giữa chị M và anh H đã có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Chị M xin ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị M và anh Trịnh Đình H.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Đinh Thị M và anh Trịnh Đình H thống nhất có 01 con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 04-02-2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh H tự nguyện thỏa thuận giao cháu B cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị M và anh H là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về mức cấp dưỡng nuôi con:

Quá trình giải quyết vụ án hai bên không thống nhất với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con. Chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000

đồng/tháng. Anh H không đồng ý với mức cấp dưỡng của chị M vì hiện anh đang làm nghề tự do môi giới bất động sản, thu nhập không ổn định, bình quân mỗi tháng khoảng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng (bút lục số 30), ngoài ra không có nguồn thu nhập nào khác nên anh không có khả năng cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Chị M cho rằng anh H là nhân viên của Công ty Cổ phần ĐT BĐS Manda Real; địa chỉ: Số 115/14/26 đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh nên thu nhập mỗi tháng của anh H chỉ từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là không đúng nhưng chị M cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập hiện có của anh H và thừa nhận anh H không còn nguồn thu nhập nào khác. Mặt khác, tại Công văn số 0107/CV-MDR ngày 07-7-2022 của Công ty CP ĐT BĐS Manda Real cung cấp thông tin anh H hiện đang là Cộng tác viên kinh doanh nhưng không nhận lương căn bản từ Công ty mà do anh H ứng mượn tiền của Công ty để giải quyết việc cá nhân nên Công ty cho anh H làm cộng tác viên để bán những sản phẩm thuộc quyền phân phối từ công ty để trả khoản tiền mà Giám đốc đã cho anh H vay trước đó.

Tại phiên tòa, chị M đồng ý yêu cầu anh H cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Luật hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng là căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và vừa đảm bảo cho trẻ đủ điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần, đồng thời phải phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường tại địa phương nơi cháu B đang sinh sống, vì vậy buộc anh H cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị M và anh Trịnh Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị M, anh Trịnh Đình H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1. Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị M với anh Trịnh Đình H.

**2. Về nuôi con chung:** Giao 01 con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 04-02-2020 cho chị Đinh Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trịnh Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 04-02-2020 số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trịnh Gia B trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Trịnh Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Ghi nhận chị Đinh Thị M và anh Trịnh Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Đinh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007134 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trịnh Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

**5. Quyền kháng cáo:** Chị Đinh Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Đình H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Nguyễn Thị Kim Quyên**

